

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2022/DS-PT**

Ngày: 15-8-2022

*V/v Tranh chấp về quyền khác đối
với tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về quyền khác đối với tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 16-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2022/QĐ-PT ngày 25-7-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Thôn 12, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Trần Như T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 43 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (*theo văn bản uỷ quyền ngày 29-7-2022*).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1969.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cư trú: 31 D, thị trấn L, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Hữu C – bị đơn

(Ông C, bà T có mặt tại phiên tòa; bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/9/2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bố bà M là ông Nguyễn Hữu V chết ngày 05/01/2015 không để lại di chúc. Do bà M là người chăm sóc ông V đến khi chết nên các anh em của bà M gồm Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Mai H và bà M đã thống nhất để bà M đứng tên và toàn quyền sử dụng thửa đất số 239, tờ bản đồ 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu sổ BY 138946 ngày 31/12/2014. Riêng ông Nguyễn Hữu H thì bà M có gọi điện thoại nói về nội dung này. Do ở xa không vào được nhưng ông H cũng đã đồng ý để bà M đứng tên và toàn quyền sử dụng thửa đất. Bà M đã làm hoàn tất các thủ tục thừa kế theo quy định của pháp luật vào ngày 02/8/2016. Cùng ngày, bà M ủy quyền cho ông C nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay ông C đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trả cho bà M. Do vậy, nay bà M khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu sổ BY 138946 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đứng tên bà Nguyễn Thị M.

Tại bản tự khai ngày 29/11/2021 và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày: Bố ông là Nguyễn Hữu V chết không để lại di chúc. Khi ông V chết, gia đình đã thống nhất để bà M làm thủ tục kê khai tài sản thừa kế do ông V để lại là thửa đất số 239, tờ bản đồ 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu V. Khi bà M kê khai thiếu ông Nguyễn Hữu H (anh trai) là người thừa kế. Việc bà M thông báo cho ông H hay không thì ông không biết. Văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã L, huyện B lập thì ông có ký, còn đối với bà L, ông H ký vào văn bản phân chia tài sản thừa kế khi nào thì ông không được biết. Ông C thừa nhận sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về giao cho ông cất giữ quản lý. Nay bà M khởi kiện ông không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M vì lý do tài sản trên do bố mẹ để lại là tài sản chung của 05 người con.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/DS-ST ngày 16 - 5- 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu C về “*Tranh chấp về quyền khác đối với tài sản*”.

Buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu sổ BY 138946 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu V ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận chuyển tên cho bà Nguyễn Thị M ngày 02/8/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 30-5-2022, bị đơn ông Nguyễn Hữu C kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, đình đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm b, khoản 3 công văn số 141/TANDTC-KHXX

Tại phiên toà hôm nay: Ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bà T đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông C, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông C, căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu sổ BY 138946 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2016 đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho bà M. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp về quyền khác đối với tài sản”* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông C cho rằng việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng theo điểm b, khoản 3 công văn số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án thì thấy rằng. Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *“Tòa án không được từ chối vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật áp dụng”*.

Đồng thời, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 về “Quyền đòi lại tài sản” quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ sự chiếm hữu của chủ thể đang có quyền khác đối với tài sản đó”*.

Căn cứ theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tài sản bao gồm: *“Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”*.

Hiện nay, Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”*. Mặt khác, căn cứ theo hướng

dẫn tại tiêu mục 2, Mục IV công văn số 02/TANDTC pháp chế ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp vướng mắc trong xét xử, hướng dẫn “*Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất thì Tòa án nhân dân sẽ thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015*”

Như vậy, việc ông C giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M là cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà M.

Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Sau khi có văn bản phân chia tài sản thừa kế (tài sản và quyền sử dụng đất) được UBND xã L chứng thực số chứng thực 07, quyền số 01TP/CC-SCT/HĐGD ngày 20/4/2015, sau đó làm các thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 02/8/2016 Chi nhánh văn phòng đất đai huyện B đã xác nhận chuyển tên cho bà Nguyễn Thị M tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu sổ BY 138946 ngày 31/12/2014 của UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu V. Bà M đã làm giấy uỷ quyền cho ông C để nhận thay GCNQSDĐ, tuy nhiên sau khi nhận ông C đã giữ và không trả lại cho bà.

Tại biên bản hoà giải của UBND xã L ngày 15-6-2021 (BL 16) và bản tự khai ngày 18-02-2022 (BL 42), ông C đã thừa nhận ông đang giữ GCNQSDĐ. Đến phiên hoà giải ngày 7/3/2022 (BL 74-75) và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm ông C lại thay đổi lời khai cho rằng đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 239, tờ bản đồ 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho bà M tại nhà ông vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 19/8/2021, nhưng ông C không có chứng cứ chứng minh. Do đó, lời trình bày của ông C là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu C về “*Tranh chấp về quyền khác đối với tài sản*”.

Buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu sổ BY 138946 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu V ngày 31/12/2014 đối

với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận chuyển tên cho bà Nguyễn Thị M ngày 02/8/2016.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004544 ngày 17-6-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông C còn phải nộp 300.000đ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. B (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt